

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP - NĂM 2021
LỚP CĐ. VIỆT NAM HỌC K.21 - HỆ CHÍNH QUY
NIÊN KHÓA 2015 - 2018

TT	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Lý luận chính trị	Kiến thức cơ sở ngành (2)	Kiến thức ngành (3)	ĐIỂM TB TOÀN KHÓA	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	15CDL27	Võ Ngọc Yến Mai	Nữ	27/07/1997	Đồng Tháp	6.7-TB.Khá	7.9-Khá	7	8	7	6.1	TB.Khá	
2	15CDL31	Mai Diễm Nhi	Nữ	26/01/1995	Long An	6.5-TB.Khá	7.0-Khá	6	9	9	6.6	TB.Khá	
3	15CDL40	Nguyễn Minh Thịnh	Nam	28/08/1997	Tây Ninh	6.8-TB.Khá	6.7-TB.Khá	6	8	6	5.9	Trung bình	

Danh sách: 3

Nam: 1

Nữ: 2

Xếp loại tốt nghiệp:

Xuất sắc: 0

Giỏi: 0

Khá: 0

TB.Khá: 2

T.Bình: 1

Không đạt: 0

3

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



ThS. Hồ Ngọc Minh

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP - NĂM 2021
LỚP CĐ. VIỆT NAM HỌC K.22 - HỆ CHÍNH QUY
NIÊN KHÓA 2016 - 2019

TT	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NOI SINH	GDQP-AN	GDTC	Lý luận chính trị	Kiến thức cơ sở ngành (2)	Kiến thức ngành (3)	ĐIỂM TB TOÀN KHÓA	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	16CDL08	Huỳnh Gia Gia	Nữ	21/05/1998	TPHCM	6.4-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7	8	7	6.3	TB.Khá	
2	16CDL09	Ngô Thị Thanh Hà	Nữ	18/05/1996	TPHCM	7.5-Khá	8.0-Giỏi	7	7	7	6.7	TB.Khá	
3	16CDL14	Nguyễn Nhựt Huy	Nam	08/11/1998	Đồng Tháp	6.3-TB.Khá	8.0-Giỏi	7	8	8	6.5	TB.Khá	
4	16CDL19	Trần Triệu Kim	Nữ	14/12/1998	TPHCM	6.7-TB.Khá	8.0-Giỏi	7	8	8	6.3	TB.Khá	
5	16CDL34	Trần Hữu Thắng	Nam	04/06/1998	Bến Tre	6.2-TB.Khá	7.0-Khá	7	8	7	6.5	TB.Khá	
6	16CDL54	Lê Anh Vũ	Nam	02/03/1996	Cà Mau	6.3-TB.Khá	9.0-Xuất sắc	6	7	6	6.6	TB.Khá	

Danh sách: 6
Nam: 3
Nữ: 3

Xếp loại tốt nghiệp:

Xuất sắc: 0
Giỏi: 0
Khá: 0
TB.Khá: 6
T.Bình: 0
Không đạt: 0
6

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ph.S. Hồ Ngọc Minh

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP - NĂM 2021
LỚP CĐ. HƯỚNG DẪN DU LỊCH K.23 - HỆ CHÍNH QUY
NIÊN KHÓA 2017 - 2020

TT	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GĐTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GH CHÚC
1	17CDL02	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	21/7/1998	TPHCM	6.5-TB.KHÁ	7.4-KHÁ	6.8	7	7	7	6.9	TB.Khá	
2	17CDL06	Nguyễn Vũ Em	Nam	18/02/1998	Bạc Liêu	6.3-TB.KHÁ	8.0-GIỎI	6.4	7	7	7	6.7	TB.Khá	
3	17CDL11	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	24/3/1999	Quảng Ngãi	5.9-T.BÌNH	7.2-KHÁ	6.4	7	7	6	6.4	TB.Khá	
4	17CDL12	Nguyễn Thị Hương	Nữ	23/10/1997	Bình Phước	7.7-KHÁ	8.0-GIỎI	7.1	8	8	6	6.9	TB.Khá	
5	17CDL15	Bùi Đan Khánh	Nữ	16/11/1995	Bến Tre	6.7-TB.KHÁ	6.4-TB.KHÁ	7.3	7	8	8	7.7	Khá	
6	17CDL23	Nguyễn Lê Thanh Thị Mỹ Ly	Nữ	26/3/1999	Bình Định	6.5-TB.KHÁ	7.4-KHÁ	6.7	7	9	7	7.2	Khá	
7	17CDL26	Lâm Phở Nghi	Nữ	10/03/1997	Sóc Trăng	6.3-TB.KHÁ	6.8-TB.KHÁ	7.3	8	8	8	7.7	Khá	
8	17CDL33	Lê Thanh Phong	Nam	10/5/1999	An Giang	6.9-TB.KHÁ	7.8-KHÁ	7.0	7	8	7	7.2	Khá	
9	17CDL36	Nguyễn Ngọc Thắng	Nam	15/3/1998	Lâm Đồng	6.6-TB.KHÁ	8.0-GIỎI	6.6	6	7	7	6.8	TB.Khá	
10	17CDL41	Phạm Hữu Thuận	Nam	10/03/1999	TPHCM	6.3-TB.KHÁ	6.4-TB.KHÁ	6.8	7	8	8	7.4	Khá	
11	17CDL44	Giang Trinh	Nữ	20/3/1997	Tiền Giang	6.3-TB.KHÁ	7.4-KHÁ	6.1	6	7	6	6.2	TB.Khá	
12	17CDL49	Nguyễn Thúy Vy	Nữ	18/3/1999	TPHCM	6.7-TB.KHÁ	7.4-KHÁ	6.8	6	8	6	6.7	TB.Khá	



Danh sách: 12

Nam: 4

Nữ: 8

Xếp loại tốt nghiệp:

Xuất sắc: 0

Giỏi: 0

Khá: 5

TB.Khá: 7

T.Bình: 0

Không đạt: 0

12

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Hồ Ngọc Minh



KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP - NĂM 2021
LỚP CĐ. HƯỚNG DẪN DU LỊCH K.24 - HỆ CHÍNH QUY
NIÊN KHÓA 2018 - 2021

TT	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GHỊ CHÚ
1	18CDL02	Võ Trí Công	Nam	21/11/1999	TPHCM	5.3-TRUNG BÌNH	6.0-TB.KHÁ	6.3	5	7	7	6.7	TB.Khá	
2	18CDL03	Đặng Quốc Cường	Nam	28/01/2000	TPHCM	6.2-TB.KHÁ	6.0-TB.KHÁ	6.3	6	7	5	6.0	TB.Khá	
3	18CDL07	Nguyễn Trung Kiên	Nam	02/12/1999	Long An	6.8-TB.KHÁ	6.0-TB.KHÁ	6.5	6	9	8	7.4	Khá	
4	18CDL11	Nguyễn Hoàng My	Nữ	07/12/1999	TPHCM	5.8-TRUNG BÌNH	6.0-TB.KHÁ	6.6	6	8	7	7.0	Khá	
5	18CDL14	Vũ Thái Nguyên	Nam	16/9/1991	TPHCM	6.1-TB.KHÁ	6.5-TB.KHÁ	6.6	8	8	6	6.6	TB.Khá	
6	18CDL16	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	20/02/2000	Tây Ninh	6.8-TB.KHÁ	6.5-TB.KHÁ	7.3	6	9	8	7.8	Khá	
7	18CDL17	Đào Văn Huy Nol	Nam	06/01/2000	Tiền Giang	6.1-TB.KHÁ	6.0-TB.KHÁ	7.2	8	7	8	7.4	Khá	
8	18CDL18	Phan Kim Phụng	Nữ	04/9/2000	Đồng Tháp	5.8-TRUNG BÌNH	6.0-TB.KHÁ	7.5	7	8	8	7.8	Khá	
9	18CDL19	Lưu Trúc Phương	Nam	17/02/2000	Quảng Nam	5.2-TRUNG BÌNH	6.0-TB.KHÁ	7.4	7	8	7	7.4	Khá	
10	18CDL20	Trần Đại Tài	Nam	14/4/2000	Long An	6.3-TB.KHÁ	6.0-TB.KHÁ	6.7	6	8	8	7.4	Khá	
11	18CDL23	Võ Thị Mỹ Tiên	Nữ	18/02/2000	Long An	5.7-TRUNG BÌNH	6.0-TB.KHÁ	7.3	6	8	9	8.0	Giỏi	
12	18CDL24	Phạm Nguyễn Yến Trinh	Nữ	26/3/2000	Quảng Ngãi	6.0-TB.KHÁ	6.0-TB.KHÁ	7.	6	8	6	6.8	TB.Khá	
13	18CDL25	Phạm Thị Nhã Uyên	Nữ	01/12/1999	Bình Dương	7.3-KHÁ	6.0-TB.KHÁ	7.6	8	9	9	8.3	Giỏi	



21/4

Danh sách: 13

Nam: 7

Nữ: 6

Xếp loại tốt nghiệp:

Xuất sắc: 0

Giỏi: 2

Khá: 7

TB.Khá: 4

T.Bình: 0

Không đạt: 0

13

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



ThS. Hồ Ngọc Minh

